

Số: 63/2016/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 21 tháng 12 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ...
	Ngày: ... 03/01/2017 ...



Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 17.02.2017 09:54:32 +07:00

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe
trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5964/TTr-STC ngày 16 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá dịch vụ trông giữ xe được thực hiện tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe công cộng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng, giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; các kho, bãi của đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện giao thông của người sử dụng phương tiện giao thông vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

Điều 2. Đối tượng thực hiện

1. Đối tượng sử dụng dịch vụ trông giữ xe

- a) Người có nhu cầu trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng;
- b) Người vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông bị tạm giữ phương tiện.

2. Đơn vị thu giá dịch vụ trông giữ xe

- a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trông giữ xe;
- b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm giữ phương tiện vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

Điều 3. Mức thu giá dịch vụ trông giữ xe

1. Đối tượng sử dụng dịch vụ trông giữ xe

- a) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe thông thường, các điểm tổ chức lễ hội, hội chợ; các kho, bãi của đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện giao

thông của người sử dụng phương tiện giao thông vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông:

Nội dung	Mức giá tối đa
1. Giá thu theo lượt ban ngày (từ 05 giờ đến 22 giờ)	
a) Xe đạp, xe đạp điện	1.000 đồng/xe/lượt
b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện	3.000 đồng/xe/lượt
c) Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 05 tấn	15.000 đồng/xe/lượt
d) Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	20.000 đồng/xe/lượt
2. Giá thu theo lượt ban đêm (từ sau 22 giờ đến trước 05 giờ hôm sau)	
a) Xe đạp, xe đạp điện	2.000 đồng/xe/lượt
b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện	5.000 đồng/xe/lượt
c) Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 5 tấn	22.000 đồng/xe/lượt
d) Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 5 tấn trở lên	30.000 đồng/xe/lượt
3. Giá thu cả ngày và đêm	
a) Xe đạp, xe đạp điện	3.000 đồng/ngày và đêm
b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện	7.000 đồng/ngày và đêm
c) Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 5 tấn	30.000 đồng/ngày và đêm
d) Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 5 tấn trở lên	40.000 đồng/ngày và đêm
4. Giá thu theo tháng	
a) Xe đạp, xe đạp điện	30.000 đồng/xe/tháng
b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện	90.000 đồng/xe/tháng
c) Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 05 tấn	450.000 đồng/xe/tháng
d) Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	600.000 đồng/xe/tháng

b) Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe tại các bệnh viện, trường học, chợ, chung cư là những nơi có nhiều nhu cầu trông giữ xe:

Nội dung	Mức giá tối đa
1. Giá thu theo lượt ban ngày (từ 05 giờ đến 22 giờ)	
a) Xe đạp, xe đạp điện	1.000 đồng/xe/lượt
b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện	2.000 đồng/xe/lượt
c) Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 5 tấn	12.000 đồng/xe/lượt
d) Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 5 tấn trở lên	17.000 đồng/xe/lượt
2. Giá thu theo lượt ban đêm (từ sau 22 giờ đến trước 05 giờ hôm sau)	
a) Xe đạp, xe đạp điện	2.000 đồng/xe/lượt
b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện	3.000 đồng/xe/lượt
c) Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 5 tấn	18.000 đồng/xe/lượt
d) Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 5 tấn trở lên	25.000 đồng/xe/lượt
3. Giá thu cả ngày và đêm	
a) Xe đạp, xe đạp điện	3.000 đồng/ngày và đêm
b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện	4.000 đồng/ngày và đêm
c) Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 5 tấn	24.000 đồng/ngày và đêm
d) Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 5 tấn trở lên	34.000 đồng/ngày và đêm
4. Giá thu theo tháng	
a) Xe đạp, xe đạp điện	30.000 đồng/xe/tháng
b) Xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện	60.000 đồng/xe/tháng
c) Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi, xe tải dưới 5 tấn	360.000 đồng/xe/tháng
d) Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 5 tấn trở lên	510.000 đồng/xe/tháng

Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ ô tô có điều kiện trông giữ những xe ô tô có chất lượng cao, yêu cầu về điều kiện phục vụ cao hơn những điều kiện trông giữ thông thường: Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào chất lượng điểm, bãi và điều kiện phục vụ, quy định mức thu giá dịch vụ có hệ số điều chỉnh từ 1 đến 3 lần so với các mức thu quy định tại điểm a, b khoản này đối với những trường hợp có nhu cầu.

2. Mức thu tối đa tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng) được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ xe của siêu thị, mức thu tối đa (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng) không vượt quá quy định tại Điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 4. Quản lý và sử dụng giá dịch vụ trông giữ xe

1. Nguồn thu được xác định là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu và thực hiện chính sách thuế theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với dịch vụ trông giữ xe do UBND cấp xã, quản lý và tổ chức thu hoặc khoán thu thì giá sử dụng dịch vụ được xác định là khoản thu thuộc NSNN và nộp 100% vào ngân sách xã theo quy định. Hàng năm, UBND xã lập dự toán các khoản chi phí cho công tác quản lý và duy tu, sửa chữa bãi trông giữ xe vào dự toán chung ngân sách xã trình HĐND cùng cấp quyết định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông và vận tải; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ các bãi trông giữ xe công cộng, các cơ quan quản lý kho bãi tạm giữ phương tiện giao thông; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL –BTP (kiểm tra);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Website Chính Phủ, Cổng TTĐT tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Đài PT-TH, Báo Đồng Khởi;
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- N/c TCĐT, TH, TTTTĐT;
- Lưu: VT.

